

CHUYÊN ĐỀ: “ĐẠO SỬ”

Bài số 4

ĐẶT NỀN TẢNG ĐẠI ĐẠO

(Tiếp theo phần Đạo Sử 3)

(Phụ trách: HT. Mai Văn Tím)

***Trích từ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.**

Và các Tài liệu sau đây:

- **Đạo Sử** (Bà Đầu Sư Hương Hiếu)

- **Đại Đạo Sử Cương I** (HT. Trần Văn Rạng)

VIII. THÀNH LẬP HỘI THÁNH HIỆP THIÊN ĐÀI:

Để tiếp cho trọn bộ Pháp Chánh Truyền, vào ngày 13-2 năm 1927 (12-1 Đinh Mão), Đức Chí Tôn giảng Cơ dạy về ngôi vị Hội Thánh Hiệp Thiên Đài.

“Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự cầm quyền Thiêng liêng mới Đạo. Hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài còn.

“Thầy đã nói Ngũ chi Đại Đạo bị qui phạm là vì khi trước Thầy giao Chánh giáo cho tay phạm, càng ngày càng xa Thánh giáo mà lập ra phạm giáo. Nên Thầy nhứt định đến chính mình Thầy đặng dạy dỗ cho các con mà thôi, chớ không chịu giao Chánh giáo cho tay phạm nữa.

“Lại nữa Hiệp Thiên Đài là nơi của Giáo Tông đến thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế giới, Lục Thập Bát Địa Cầu, Thập điện Diêm cung mà cầu siêu cho cả nhơn loại. Thầy đã nói sử dụng Thiêng liêng, Thầy cũng nên nói sử dụng phạm trần của nó nữa.

“Hiệp Thiên Đài dưới quyền Hộ Pháp Chưởng quản, tả có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm, Thầy lại chọn Thập Nhị Thời Quân chia ra làm ba chi:

1- Hộ Pháp chưởng quyền về Pháp thì có:

Hậu	là Bảo pháp
Đức	là Hiến pháp
Nghĩa	là Khai pháp
Tràng	là Tiếp pháp

“Lo bảo hộ Luật Đời và Luật Đạo, chẳng ai qua Luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết

2- Thượng Phẩm thì quyền về phần Đạo dưới quyền có:

Chương	là Bảo Đạo
Tươi	là Hiến Đạo
Đãi	là Khai Đạo
....	Tiếp Đạo ¹

“Lo về phần Đạo nơi Tịnh Thất, mấy Thánh Thất đều xem sóc chư Môn đệ Thầy, binh vực chẳng cho ai phạm Luật đến khổ khắc cho đặng.

3- Thượng Sanh thì lo về phần Đời

Bảo Thế	là Phước
Hiến Thế	là Mạnh
Khai Thế	là Thâu
Tiếp Thế	là Vĩnh.

“Thầy khuyên các con lấy tánh vô tư mà hành Đạo”.

Dưới đây sơ lược Tiểu sử của Thập Nhị Thời Quân.

1- Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu (1892-1961): Sinh ngày 5-3-Nhâm Thìn tại xã Bình Hòa, tỉnh Gia Định. Năm 1933, Ngài giữ quyền Chưởng Pháp Cửu Trùng Đài. Sau đó vì bệnh trở về nhà (1934). Năm 1957, Ngài làm Giám đốc Hạnh Đường và tái lập Đạo Đức Văn Đàn, rồi qui vị tại Gia Định (1961).

2- Hiến Pháp Trương Hữu Đức (1890-1976): Sinh ngày 2-2-Canh Dần tại làng Hiệp Hoà (Chợ Lớn). Năm 1956, Ngài và Ngài Bảo Thế ký Thoả ước Bính Thân với chính quyền, cam kết Đạo không làm chính trị nữa. Năm 1962, Ngài Chưởng Quản Bộ Pháp Chánh và Trưởng Ban Kiểm Duyệt Kinh Sách Đạo, Ban Đạo Sử rồi Chưởng quản Hiệp Thiên Đài (1971).

3- Khai Pháp Trần Duy Nghĩa (1889-1954) Sinh năm Mậu Tý, người tỉnh Gò Công. Năm 1930, Ngài nhận lãnh trách vụ Quyền Ngọc Chánh Phối Sư. Năm 1937, Ngài nhận chức Chưởng Quản Phước Thiện. Từ 1941-1945, Ngài bị lưu đày cùng Đức Phạm Hộ Pháp sang Madagascar. Năm 1946, Ngài làm Chưởng Quản Bộ Pháp Chánh. Đến năm 1953, Ngài vào Trí Giác Cung thiền định vì Ngài và Ngài Trương Tiếp Pháp là cặp Cơ truyền Bí pháp.

4- Tiếp Pháp Trương Văn Trạng (1892-1965): Sinh ngày 25-10- năm Quý Tỵ tại Bình Thạnh (Biên Hoà). Năm 1949, Ngài trọn phước đời hành Đạo. Năm 1953, Ngài nhận chức Chưởng Quản Bộ Pháp Chánh. Ngoài việc lo hành chánh Đạo, Ngài còn sáng tác nhiều sách Đạo có giá trị, nhất là quyển “Giáo Lý Đại Đạo”.

5- Bảo Đạo Ca Minh Chương (1850-1927): Sinh năm Canh Tuất ở làng Mỹ Lộc, tỉnh Gò Công. Ngài chán ngán cảnh quan trường, xin nghỉ về dạy học, kịp khi Đức Chí Tôn khai Đạo (1926), Ngài phước đời hành Đạo sớm nhất. Nhưng tuổi già sức yếu, Ngài chỉ hành Đạo được hai năm thì đăng Tiên vào ngày 19-10-Đinh Mão (1927). Vì sớm qui

¹ Còn Tiếp Đạo Cao Đức Trọng đầu sau ở Kiêm Biên.

Tiên nên năm 1948, Ngài giáng Cơ nhượng quyền Bảo Đạo hữu hình cho vị Hiền Tài Hồ Tấn Khoa.

6- Hiến Đạo Phạm Văn Tươi (1897-1976): Sinh năm Bính Thân, được bổ nhiệm Chưởng Pháp (1933) đã từng giữ chức Thống Quản Phước Thiện tại Toà Thánh.

7- Khai Đạo Phạm Tấn Đãi (1901-1976): Sinh năm Tân Sửu, hành Đạo thường xuyên tại Toà Thánh từ lúc đầu đã giữ chức vụ sau: Thái Chánh Phối Sư (1933), Ngọc Chánh Phối Sư (1954), Thống Quản Phước Thiện (1960), Giám đốc Cơ quan Phát thanh và Phổ Thông giáo lý, Chưởng quản Bộ Pháp Chánh (1971).

8- Tiếp Đạo Cao Đức Trọng (1897-1958): Sinh năm Đinh Dậu, là bào huynh ông Cao Hoài Sang, thọ phong Thiên phẩm tại Kiêm Biên (Campuchia-1927), lúc đó Ngài giúp việc Sở Chưởng Khế tại Nam Vang.

Năm 1938, Ngài lãnh nhiệm Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo. Năm 1942, Ngài phải sang Thái Lan tỵ nạn, đến năm 1944, trở về Nam Việt Nam. Năm 1954, Ngài nhận nhiệm vụ truyền Giáo Ngoại giáo rồi qui vị ngày 23-5-Mậu Tuất (1958).

9- Bảo Thế Lê Thiện Phước (1895-1975): Sinh ngày 4-6-1895 (Năm Ất Mùi) tại Sài Gòn, huyện danh dự năm 1944. Ông đến hầu Đền, bài thi của Đức Chí Tôn cho tại tư thất ông Nguyễn Ngọc Thơ:

*Cang nhu tình thế lắm đua tranh,
Danh lợi là bia kẻ giết giành.
Mượn thú điền viên vui tuế nguyệt,
Phồn hoa âu cũng bỏ cho đành.*

Ngài lãnh chức Thừa Quyền Hộ Pháp (1946), Tổng Thư ký Chánh Trị Đạo (1951), Thống lãnh Văn phòng Hộ Pháp (1952), Đại diện Hội Thánh ký Thoả Ước Bính Thân (1956), Quyền Đầu Sư (1959), Quyền Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài (1964), Thống quản Nữ Phái Cửu Trùng Đài (1965), Thống quản Cơ quan Phước Thiện (1966), Chưởng quản Ban Thế Đạo (1965).

10- Hiến Thế Nguyễn Văn Mạnh (1894-1970): Sinh năm Giáp Ngọ, ít về Toà Thánh, qui Tiên ở Sài Gòn năm 1970.

11- Khai Thế Thái Văn Thâu (1899-1981): Sinh năm Kỷ Hợi, được cầm quyền Thái Chánh Phối Sư (1933), ít về Toà Thánh.

12- Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh (1903-1945): Sinh năm 1903 (Năm Quý Mão) tại Sài Gòn, là bào đệ của ông Lê Thiện Phước. Ngài là một nhà báo, sau khi ngộ Đạo về Toà Thánh hành chánh. Năm 1935, Trưởng phái đoàn đi các tỉnh giao thiệp với Chánh phủ, đi địa phương mở Thánh Thất và đi Hà Nội mở Đạo. Trong năm 1945, toàn quốc tao loạn, Ngài bị đối phương bắt đưa đi mất tích trên đường Sài Gòn – Đà Lạt.

IX. CẤT TOÀ THÁNH TAM.

Lấy lý do về việc tà quái xảy ra hôm ngày Khai Đạo (15-10-Bính Dần) thêm vào một số đồ đệ Hoà Thượng Như Nhân xúi giục đòi chùa lại, nên Hội Thánh hẹn trong 3 tháng (Tức đến 15-1-Đinh Mão) sẽ trả chùa. Nhưng mãi đến ngày 20 tháng 2 năm đó (23-3-1927) mới thỉnh chư Phật, dời Thánh Tượng về đất mới thuộc làng Long Thành.

Sở dĩ, chậm trễ như vậy vì không tìm được đất, nên Đức Lý giảng dạy: “Mai này chư Hiền hữu lên đường dây thép (*Tức đường từ Mít Một chạy tới cửa Hoà Viện ngày nay*) nhằm địa thế kéo dài theo cho tới ngã ba Ao Hồ (*Hồ đó chưa có đường vào Trường Nữ Trung Học*) coi Hiền hữu có thấy đặng chăng?”

Hôm sau, nhờ xe của ông Nguyễn Ngọc Thơ và bà Lâm Hương Thanh, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, trong đó có Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm, Ngài Đầu Sư Lê Văn Trung, hai vị Phối Sư Thượng Tướng Thanh và Ngọc Trang Thanh, lên đường đến cửa số 2. Bấy giờ, nơi đây còn rừng rậm, nhiều thú dữ, nhưng vì Thánh ý nên hỏi mua đất của ông Kiểm lâm người Pháp tên Aspar.

Đêm hôm ấy, quý ông cầu Đức Lý về dạy việc: “Phải đó, tưởng chư Hiền hữu không thấy. Lão cắt nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh Địa, sâu hơn 300 thước như con sông, giữa trung tâm đất giáp lại trùng giữa 6 nguồn, làm như 6 con rồng doanh nhau. Nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi gọi là **lục long phò ấn**. Ngay miếng đất có 3 đầu: một đầu ra giếng mạch ao hồ, hai đầu nữa bên cụm rừng bên kia”.

Về khuôn viên Toà Thánh tạm thì Đức Lý dạy: “Thánh Thất tạm phải cất ngay miếng đất trống. Còn Hiệp Thiên Đài phải cất trước Thánh Thất tạm. Đạo hữu phải khai phá đám rừng, cách miếng đất trống chừng ba thước rưỡi, đóng một cây cọc, đo Hiệp Thiên Đài như vậy: ngoài Bàu Cà Na đo chừng 50 thước đóng một cây cọc. Ấy là khuôn viên Toà Thánh. Lão lại dặn, từ cây cọc bên phía miếng đất phải đo vô Bàu Cà Na 27 thước Lang Sa (Tây). Từ vuông 27 thước mỗi góc của Bát Quái Đài, nghĩa là hình nhà tròn 8 nóc, cao từ đất lên thêm 9 thước, hình nóc tròn nhô lên, chỉ có 8 nóc cho phân minh, trên đầu đài phải để cây đèn xanh. Kế nữa là Chánh điện, bề dài 81 thước, bề ngang 27 thước. Hai bên Hiệp Thiên Đài, bên mặt thì có Lôi Âm Cổ Đài, bên trái thì có Bạch Ngọc Chung Đài”.

Sau đó Đức Lý lại giảng dạy lại: “Hoạ đồ của Lão, Đức Chí Tôn chê và trách rằng hao phí vô nên nặng lắm. Đức Chí Tôn sửa lại mỗi cấp 3 tấc tây mà thôi, dưới đất 5 tấc, chín cấp 3 tấc là 2 thước 70 cộng lại là 3 thước 20. Nóc của Đại Điện và Hiệp Thiên Đài cũng y mực như vậy, phải làm plafond (trần) hai Đài chuông trống cao hơn nóc Hiệp Thiên Đài 6 thước.”

Khi phá rừng để cất Toà Thánh thì người Thổ, người Tà Mun đến công quả hàng ngàn. Ông Chánh Tham Biện người Pháp lo ngại nên mời Đức Cao Thượng Phẩm ra Toà Bó (Toà Hành Chánh) hỏi cố sự. Đức Ngài phải trả lời: phá đất trồng cao su. Do đó mà trong Nội ô hiện nay còn lại một ít cây cao su. Bởi vậy, trong Thánh Thất chỉ có một mình ông Lễ Sanh Thượng Xương Thanh hành Lễ Đức Chí Tôn mà thôi. Còn Đức Cao Thượng Phẩm, chư Chức sắc và thợ mộc, phu làm Chùa không được vào cúng bái.

Sau đó, Đức Cao Thượng Phẩm mới thỉnh cốt Phật Tổ tầm Đạo từ Gò Kén về Đại Đồng Xã. Rồi mới cất Hậu điện, Đông Lang, Tây Lang, Trù phòng . . v. v.

X. NGỪNG CƠ PHỔ ĐỘ.

Đàn đêm mồng 1 tháng 6 năm 1927, Đức Chí Tôn giảng Cơ báo trước việc ngưng Cơ bút:

“Từ nền Đạo khai sáng đặng gieo truyền mối Chánh giáo đến nay thì phần nhiều Môn đệ đã trọn tắc thành mà điu dất sanh linh và đấp vun mối Đạo Trời. Ấy là những đũa Thầy đã tin cậy đặng gia công dọn lối chông gai để mở trống nẻo Thiêng liêng, dẫn lần nhân sanh khỏi sông mê, bến khổ...”

“... *Cuối kỳ tháng sáu đây, thì Thầy phải ngưng hết Cơ bút truyền Đạo.* Các con sẽ lấy hết chí thành đã un đúc bấy lâu mà lần hồi lập cho hoàn toàn mối Đạo. Nầy là mấy lời đỉnh ninh sau rốt khá lưu tâm. Ai vậy tà nấy có phần riêng, cứ giữ nẻo thẳng đường ngay bước đến thang Thiêng liêng chờ ngày hội hiệp cùng Thầy. Ấy là điều quý báu đó!”

Ngưng Cơ phổ độ là không còn được cầu nhiều nơi và tự do như trước. Đó là điều hay nhưng bất tiện cho những người muốn hiểu rõ huyền diệu của thiêng liêng nên sanh nhiều trắc trở.

Ngày mồng 1 tháng 10 năm Đinh Mão (1927), Thầy mới giảng Cơ như vậy: “Kỳ ngưng Cơ phổ độ đến nay chưa bao lâu mà nền Đạo xảy ra lăm điều trắc trở. Thầy đã un đúc chí Thánh cho mỗi đũa, Thánh ý đã giao trọn quyền cho các con chung lo hiệp trí nhau, mà điu dất, phổ thông mối Đạo cho đến tận cùng bước đường. Thiên cơ dĩ định cho nền Đạo sáng lập để cứu vớt sanh linh. Ngày này, tháng này mà nền Đạo chưa trọn thành, thì năm nào và tháng nào?”

XI. THỐNG HIỆP NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO.

Ngũ chi Đại Đạo là Nhân Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo.

Đàn đêm 24-4-1926, Đấng Chí Tôn đã dạy: “Vốn từ trước Thầy đã lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là: Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo. Tùy theo phong hoá của nhân loại mà gầy Chánh giáo.

1- Nhơn Đạo: là Đạo làm người ở trong gia đình và ngoài xã hội, trong cách xử kỷ, tiếp vật của mỗi cá nhân. Những người liệt vào Nhân đạo là Socrate, Platon, Khổng Tử, Mạnh Tử . . v. v. *Hiền nhân vì thương người mà đoạt cơ từng khổ.*

2- Thần Đạo: là Đạo làm công dân, làm tội trong nước, trong nhiệm vụ bảo vệ non sông tổ quốc, trong thời loạn cũng như trong thời bình. Được liệt vào Thần Đạo là Trung Hoa phong Thần, Hy Lạp phong Thần, Ai Cập phong Thần . . v. v. . *Thần vì thương đời mà lập cơ thẳng khổ.*

3- Thánh Đạo: là Đạo của nhà cầm quyền cai trị dân, của bậc giáo lãnh truyền bá Đạo, lúc nào cũng phải chí công vô tư, đúng với câu: “Dân chi Phụ mẫu”. Được liệt vào hàng Thánh Đạo là Jésus Christ, Mahomet, . . v. v. . *Thánh vì thương Đời mà dạy cơ thọ khổ.*

4- Tiên Đạo: là Đạo xuất thế bằng cách tu Tâm luyện Tánh hay bản thân để được siêu sanh. Được liệt vào hàng Tiên Đạo là Lão Tử, Dương Châu . . v. v. . *Tiên vì thương đời mà bày cơ thoát khổ.*

5- Phật Đạo: là Đạo diệt khổ để thoát vòng Luân hồi, nhờ được “Minh Tâm, Kiến Tánh”. Được liệt vào hàng Phật Đạo là Thích Ca Mâu Ni, Bà La Môn . . v. v. . *Phật vì thương đời mà tìm cơ giải khổ.*

Ba nền Đạo trên là: Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo thuộc về Đạo nhập thế.

Hai nền Đạo dưới là Tiên Đạo, Phật Đạo thuộc về Đạo xuất thế.

Theo bài thuyết Đạo ngày 14-2-Mậu Thìn (4-4-1928) của Đức Phạm Hộ Pháp về việc cử vị (Phẩm tước Cửu Trùng Đài) phù hợp Cửu Thiên như sau:

1)- **Thần vị:** Người không Đạo mà mộ Đạo, lại giữ đặng trọn Đạo, hữu căn, hữu kiếp có thể đắc vị với Địa thần. Kẻ tín đồ biết Đạo mà giữ Đạo đối (1) với Nhơn Thần. Còn Lễ sanh đối với Thiên thần.

2)- Thánh vị:	Giáo Hữu	Đối với	Địa Thánh
	Giáo Sư	--	Nhơn Thánh
	Phối Sư	--	Thiên Thánh
3)- Tiên vị:	Đầu Sư	Đối với	Địa Tiên
	Chưởng Pháp	--	Nhơn Tiên
	Giáo Tông	--	Thiên Tiên

***Chú thích:** (1) Tất cả các chữ “**Đối**” trong đoạn trên có nghĩa là **Đối phẩm**.

Trong quyển “**Giác Mê Kinh**” có bài thi về Ngũ chi Đại Đạo như sau:

*Thánh, Hiền, Tiên, Phật hy hữu chi nhơn
Tam Kỳ Phổ Độ hy hữu chi sự
Phi hy hữu chi nhơn
Yên năng hành hy hữu chi sự.*

XII. THẦY PHONG THÁNH LẦN CHÓT.

Từ khi Khai Đạo đến nay đã gần tròn năm, các cơ chế Đạo đã nên hình, các hàng Chức sắc khá đông. Buổi đầu tiên ân huệ sắp chấm dứt. Mọi Tông đồ đến sau phải lập công bồi đức, noi theo Tân Luật và Pháp Chánh Truyền mà tiến thân trong trường Đạo gồm 5 lớp Nhơn, Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Đức Chí Tôn, ngày 17 tháng 9 năm 1927 dạy như sau: “Phần nhiều chư Môn đệ ham muốn phong tịch, nhưng chưa hiểu Thiên phong là gì? Thầy để lời cho các con biết rằng: Nhiều Thánh, Tiên, Phật xuống phàm nếu căn quả tiền khiên không mấy trọng hệ, nghĩa là kiếp trần duyên không chi phải như bọn nhiều, thì dầu không Thiên phong, hễ gắng tâm thiện niệm, thì địa vị cũng đạt hồi đặng.

“Thiên phong là để cho bậc Thánh, Tiên, Phật lia trần phải lấm dầy công cùng sanh chúng mới mong hồi cựu phẩm đặng. Các con nên nhớ, Thầy lấy Từ bi phong Tịch. Nhưng các Chức sắc, nếu vì áo mào hơn Đạo đức thì tội chất bằng hai.

“Thầy vì lòng Từ bi hay thương Môn đệ, **phong Tịch lần này là lần chót** vì Tân Luật đã hoàn toàn, nếu chẳng theo đó thì Lý Thái Bạch hằng kêu nài, Quan Thánh và Quan Âm cũng hiệp sức mà dâng sớ kêu về sự ấy. Vậy sau này có ai xứng đáng thì do Tân Luật mà công cử, còn về phong Tịch thì có Lý Giáo Tông tiến cử, Thầy mới nhận phong, nghe!”

XIII. MỘT VỊ THỜI QUÂN LIÊU ĐẠO ĐẦU TIÊN.

Trong hàng Chức sắc Hiệp Thiên Đài, Ngài Bảo Đạo Ca Minh Chương không những có công trong buổi Khai Đạo mà còn là người có niên kỷ cao nhất. Ngài về châu

Đức Chí Tôn vào ngày 19-10- Đinh Mão (12-11-1927) Đức Chí Tôn giảng dạy về việc này như sau:

“Từ thử có một mình Bảo Đạo là niên cao kỷ trưởng hơn các con hết. Mà buộc Thầy phải đem về thì tưởng các con đủ biết mình côi cút về đường đời, không ai đủ trí thức hoàn toàn mà bênh vực các con nữa.

“Thầy khuyên các con lấy Chương (*Quý danh Ngài Ca Bảo Đạo*) làm dây thân ái mà buộc nhau, mới dựng hoà nhĩ nơi Hiệp Thiên Đài. Thầy cho phép các con làm lễ an táng long trọng hầu nêu gương cho hậu tấn.

“Đủ ba năm phải thiêu hài cốt, lên tượng dựng đem nó vào Bát Quái Đài. Nơi mộ nó phải để quan tài khỏi mặt đất một tấc mà đắp xây tháp y như Thầy dặn. Trên mặt tháp để chữ vàng **“Bảo Đạo Chơn Quân”**

(Trong Đạo Cao Đài, chức sắc Cửu Trùng Đài thì hàng Đầu Sư trở lên và Hiệp Thiên Đài từ Thập Nhị Thời Quân trở lên, khi chết táng trong liên đài, thế ngôi và xây tháp hình bát giác).

XIV. ĐIỂM BÁO TRƯỚC PHÂN CHIA CHI PHÁI.

Vào ngày 18 - 07-1928, Chơn Cực Lão Sư giảng Đàn:

“Đấng Chí Tôn vì thương dân tình nơi đây, đã khổ tâm nên gieo Đạo, đem chiếc thuyền cập bến để diu dắt vào chỗ bình địa dựng tự tại thung dung, mà vì chưa hiểu thấu căn nguyên, khổ bao giờ trông thoát?

Đạo sắp tàn, mới Đạo phân chia. Chư Đạo hữu phải lo níu kéo lại một mớ, người nào hay người nấy. Rồi đây mỗi chỗ, mỗi dựng riêng ra. Chư Đạo hữu mới tùy thế đó mà tom góp lại”

Theo Thánh ý, phân chia ra để dễ truyền bá mối Đạo trời rồi ngày kia sẽ qui nhất lại. Nhưng tai phàm mắt thịt ham quyền chức tranh dành để Đấng Chí Tôn phải giảng Đàn ngày 5-8-1928 (19-6-Mậu Thìn) dạy:

“Đạo thế chẳng kịp thì chầy sẽ thành ra một mối hàng, mà mỗi người trong Đạo, sau khi giành giật, cấu xé nhau thì sẽ phân chia tan tành manh mún để trò cười về sau.

“Người hành Đạo chẳng đủ quyền chế cải, kẻ tự cao muốn chiếm địa vị cầu danh, nghịch tư cách đối đãi với thế tình, gây ác cảm mà tạo thù oán. Phải biết chỗ yếu nhược của Đạo nơi đó mà kiếm phương, tìm chước lấy cộng hoà, hiệp nhơn ý mà điều đình sửa cải cho đúng, làm sao cho mỗi Đạo hữu các con đều ngó về Tòa Thánh mà xưng tụng ân huệ của mỗi con có trách nhiệm xứng đáng. Và làm sao cho dứt mối hiểm thù riêng của mỗi đứa, hiệp đồng trí thức mà làm cho người ngoài dòm vào, nhìn nhận mối Đạo quý hoá và thấy đều sùng bái cử chỉ cao thượng của các con.

“Chừng ấy, các con dù không mạnh cũng ra mạnh, không đông cũng nên đông, mà việc Phổ độ như sanh chẳng còn điều chi trắc trở”

BÀI ĐỌC THÊM

(Kèm Bài Đạo Sử số 4)

CÔNG CUỘC KHAI PHÁ RỪNG ĐỂ XÂY CẤT TÒA THÁNH

(Trích Đạo Sử, Q. 1, của Nữ Đầu Sư Hương Hiếu)

HỘI THÁNH ĐI MUA ĐẤT

Kể từ Rằm tháng 10 Bính Dần (1926) tới Rằm tháng Giêng Đinh Mão (1927) là đúng kỳ hứa trả chùa Từ Lâm Tự (Gò Kén) là ba tháng, nhưng tới tháng hai năm Đinh Mão, đã quá hạn kỳ một tháng mà Hội Thánh chưa trả chùa lại được, vì chưa kiếm được đất để mua, còn ông Huệ Thượng Giác Hải thì cứ đòi chùa lại hoài.

Vì sự đòi chùa ấy nên Đức Lý Giáo Tông giảng dạy quý ông Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng đi kiếm đất mua dựng dờ chùa.

Đức Lý dạy: "Mai này chư Hiền Hữu lên đường trên gọi là đường dây thép (là đường từ Mít Một chạy tới cửa Hòa Viện bây giờ) nhắm địa thế dài theo cho tới ngã ba Ao Hồ, coi Hiền Hữu có thấy dựng chông cho biết. Lão đã nói rằng: Mỗi sự chi chi đều bày trước mắt nhưn sanh hết".

Qua ngày sau, quý ông đi tìm đất. Ông Thái Thơ Thanh cho mượn một chiếc xe, Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh cho mượn một chiếc. Hội Thánh Hiệp Thiên, Cửu Trùng ngồi trên hai chiếc xe hơi thì có Đức Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm, Anh cả Thượng Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, Anh Thái Thơ Thanh, Anh Thượng Tướng Thanh, Anh Ngọc Trang Thanh.

Khi xe chạy tới Cửa Số Hai hồi trước còn rừng rậm cạnh góc ngã ba có cây vừng, Đức Cao Thượng Phẩm ngó thấy nơi cây vừng có tấm bảng treo đề tên Cao Văn Điện. Ông này là bạn học của Đức Thượng Phẩm hồi thuở nhỏ. Trong lúc bối rối kiếm đất không được, bất ngờ thấy tên bạn mình đứng tên trên miếng đất này, nên Đức Cao Thượng Phẩm nói với Hội Thánh rằng: Để tôi đi tìm ông Cao Văn Điện nhờ bạn tôi điềm chỉ giùm chủ đất này. Và cũng nhờ ông Cao Văn Điện điềm chỉ mới biết ông chủ đất này là ông Kiếm lâm người Pháp tên Aspar.

Khi kiếm được đất rồi, tối lại quý ông cầu Đức Lý về dạy coi Hội Thánh đi kiếm đất như vậy có trúng không.

Đức Lý giảng dạy như vậy: "Lão khen Thái Thơ Thanh, phải đó đa tướng chư Hiền Hữu không thấy nữa. Lão cắt nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh Địa. Sâu hơn ba trăm thước như con sông, giữa trung tim đất giáp lại trúng giữa sáu nguồn làm như 6 con Rồng doanh nhau. Nguồn nước ấy trúng ngay đỉnh núi gọi là Lục Long Phò Ấn. Ngay

miếng đất đó dạng ba đầu; một đầu ra Giếng Mạch Ao Hồ; hai đầu nữa bên cụm rừng bên kia. Người Lang Sa chỉ đòi có hai mươi lăm ngàn đồng".

Khi phá đám rừng này thì Đàn Thổ (*người Miên*) xuống cả ngàn người để phá rừng, làm cho ông Chánh Tham Biện người Pháp nghi ngờ mời Đức Cao Thượng Phẩm ra Tòa Bó. Ông hỏi Thượng Phẩm chớ làm cái gì mà đông đảo như vậy. Đức Thượng Phẩm trả lời rằng: Tôi mua miếng đất đó dạng trồng cao su. Ông Tham Biện hỏi trồng mấy mẫu? Đức Thượng Phẩm trả lời: Tôi trồng hết sở đất tôi mua phá tới đâu tôi trồng tới đó, nên ngày nay trong Nội Ô có cây cao su là do nơi đó.

Khổ tâm hơn hết là Đức Thượng Phẩm bị người Pháp cật vấn đủ điều cho đến đổi tới giờ cúng cũng không vô Chánh Điện cúng được, buộc phải rào song ly ngăn lại. Trong Chánh Điện chỉ có một mình ông Lễ Sanh Thượng Xường Thanh cúng mà thôi, còn ở ngoài thì vài ba ông thợ mộc quì trên dăm bào lạy vô Bửu Điện; vì lúc này Chánh Phủ Pháp nghi ngờ bắt Đạo và bó buộc không cho tụ họp đông, như vậy mà ông Tham Biện người Pháp còn mời Đức Thượng Phẩm ra Tòa Bó ngày một.

THỈNH CỐT PHẬT TỔ TỪ CHÙA GÒ KÉN VỀ THÁNH ĐỊA

Sau đây xin lược giải về vụ thỉnh cốt Phật về chỗ đất mới mua để cho Thiện nam Tín nữ được rõ mối Đạo Trời trong buổi sơ khai là dường nào. Từ 6 giờ chiều ngày 13-02 Đinh Mão (*nhằm 16-03-1927*) khởi hành thỉnh cốt Phật cho đến 2 giờ khuya mới tới chỗ đất mới mua, vì thỉnh ban ngày sợ nắng gắt e đi không nổi, cho nên phải đợi mặt Ông sắp lặn, đi cho mát mẻ.

Khi thỉnh Phật, cả Chức Sắc và công quả buổi ấy, phần nhiều là người Miên đều mệt đuối vì phần đường xa, cốt Phật thì lớn nên rất nặng nề, phần đói và khát nước. Đi dọc đường nhờ có đạo hữu gánh nước theo từ chặng đường, nhưng uống cũng không đủ, nên khi rán sức di tượng Phật về đến nơi rồi thì ai nấy đều nhào vô đám lá cây khô trong rừng nằm thở dốc.

Còn phần Đức Cao Thượng Phẩm thì phải chăm nom, lúc thỉnh cốt Phật Như Lai, vì Đức Lý Giáo Tông có giảng Cơ dặn rằng khi thỉnh cốt Phật Tổ cỡi ngựa thì phải cẩn thận đừng cho gãy sứt để cầu Đức Lý đưa Thần ra một đổi. Lúc thỉnh cốt Phật Tổ, vì quá nặng, nên phải nối hai chiếc xe bò mới chở nổi. Đức Thượng Phẩm phải đứng trên xe coi chừng, nếu nghiêng bên nào thì hô lớn lên cho họ biết mà làm cẩn thận. Như vậy từ 6 giờ chiều đến 2 giờ khuya thì Đức Cao Thượng Phẩm cũng mệt người nên khi đến nơi thì cũng nhào xuống đồng lá cây khô nằm nghỉ (*Trước cửa Hòa Viện*).

Chỗ đất mới mua đây là đất của ông Kiểm Lâm người Pháp. Hội Thánh mua lại, trước kia là một khu rừng rậm, cây cối um tùm, chưa có nhà ai cho lăm, chỉ có một hai cái nhà ở rải rác ngoài bìa rừng, mà ngày nay thành vùng Thánh Địa Tòa Thánh nguy nga, dinh thự lộng lẫy, nhà cửa kinh dinh thịnh vượng. Cái công trình kiến thiết buổi ban sơ không phải là dễ.

CÔNG CUỘC PHÁ RỪNG ĐỂ XÂY DỰNG TÒA THÁNH TAM

Nói về vấn đề phá rừng (*thành Thánh Địa*), buổi ban sơ dọn về đất mới, Đức Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm tính phá rừng mà không có nhà ở, nên phải tạm sửa cái nhà bò của chủ bán đất còn để lại, rửa cho sạch sẽ, phân làm ba ngăn, nghĩa là ngăn ra

cho có thứ tự, chỗ thì để cho công quả ở nghỉ (*Công quả người Miên*), chỗ làm kho chứa đồ dụng cụ để phá rừng như là: máy đánh gốc, nào cuốc, nào xuống, xà cốc, lòi tói...

Còn một chỗ thì làm kho trữ gạo và thực phẩm, một bên thì hai ông ở tạm, rồi hai ông mượn công quả đi đốn cây nạn (YYY) đặng làm cái chõng để nằm, đi đốn cây sẵn con làm vạc, trên thì lót bố tời đặng nằm cho êm lưng đỡ vậ thoi. Ngày nào hai ông cũng dẫn dắt công quả (Thổ) đi chặt chỗ này đốn chỗ kia để phá cho trống đặng cất Tòa Thánh tạm, lần lần phá đến đâu thì cất đến đó đặng an vị chư Phật và có chỗ nơi cho nhơn sanh sùng bái.

Nhớ lại cách hơn 30 năm về trước, vùng Thánh Địa là một chốn rừng thiêng nước độc, là nơi sào huyệt của lũ ác thú. Theo con đường quốc lộ, hành khách ít ai qua lại, bóng ác chưa khuất non đoài thì loài hổ báo đã thị oai gầm thét. Chẳng bao lâu mà ngày nay, một Tòa Thánh Tổ Đình sừng sững chọc trời, nguy nga đồ sộ nơi miền Đông Nam Á. Có phải chăng, nếu chẳng có giọt Hồng ân của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng chan rưới hộ trì, và hai ông Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm vì sứ mạng Thiêng Liêng tận tâm phục vụ thì chưa biết ngày nào mà được một cảnh Cực Lạc như ngày hôm nay.

Phần của tôi (*Bà Đầu Sư Hương Hiếu*) trong lúc tạo tác, thì phải lo lắng nấu ăn cho công quả phá rừng có cả ba trăm người Thổ. Mọi việc khởi đầu nan, hễ thiếu tới đâu thì tôi lo tới đó. Vì chưa lập Cửu Viện để sắp đặt việc ăn uống cho công quả hằng ngày, buổi đó chưa có Trai Đường, nên hễ phá rừng đến đâu thì tới bữa cơm dọn ăn phải gánh đồ theo đấy, lựa chỗ nào có bóng cây thì trải đệm dọn cơm. Ăn xong thì dọn chén bát đem về trú phòng là nơi nhà bò mà rửa ráy, buổi mơi, buổi chiều luôn luôn như vậy.

Thưa quý Ông, quý Bà thứ lỗi, đoạn đầu tôi nói về tiểu sử của tôi, sau đây sao lại nói qua những đoạn này chẳng là trái hẳn với thiên tiểu sử, xin quý Ông, quý Bà cảm phiền, bởi vì Đức Chí Tôn lập Đạo kỳ ba là vĩnh viễn trường tồn, nên tôi phải ghi rõ lại, chẳng những công quả của tôi, mà cũng ghi lại sự nghiệp to tát của Chức Sắc và công quả của người Thổ lẫn người Việt buổi đầu tiên thật là gay go khổ hạnh, để cho đoàn hậu tấn noi chí hướng đàn anh mà nối bước, hầu thọ khổ mới mong giải khổ của kiếp con người tại thế gian này.

Xin nói tiếp về cái nhà bò, sau khi hư dỡ ra, kế nhơn sanh về lập chợ kêu là chợ Từ Bi, lần hồi thay đổi, hiện giờ là quán xá, tiệm chạp phô, tiệm thuốc bắc, khít bên hông nhà Đức Quyền Giáo Tông, nay là phủ thờ của nhà họ Lê.

Khi cất Tòa Thánh tạm xong rồi, Chức Sắc tựu về đông đảo, kế tiếp cất Hậu Điện, Đông Lang, Tây Lang, Phòng Trù và nhà Tiếp Khách Nam Nữ, lại cất Học Đường và nhà Dưỡng Lão.

Thời buổi ấy người Thổ họ đồn với nhau rằng: Tại Tòa Thánh có thờ ông Phật của họ (Tức là Phật Tổ) nên họ kéo đến Nhập môn mỗi ngày lu bù. Khi họ đến ban ngày thì dọn ăn ban ngày, đến ban đêm thì dọn ăn ban đêm, tôi và công quả phải thức lo thiết đãi (*Ấy là bốn phận của Chuồng Quán Trù phòng*).

Sau tôi biết ý họ xuống không chừng đổi, vì họ ở vùng Sway Riêng hoặc ở Khét Sà Tiệp, nơi này chỗ kia miệt trên Nam Vang kéo xuống, nên bữa nào chiều tối, tôi cũng dự phòng hai chảo cơm và đồ ăn, nghĩ vì họ ở xa xuôi đi tìm Đạo, đường xa ngàn

dặm đi suốt cả ngày họ chịu đói khát, cho nên dầu tôi cực khổ thế nào cũng phải thức để lo tiếp đãi họ, cho họ được vui lòng.

Nhưng sự thật, nhờ các Đấng vận chuyển cho công việc chóng thành, nên nhờ công quả Thổ buổi đầu họ xuống phá rừng. Thổ nam thì đốn cây đánh gốc; Thổ nữ thì chặt nhánh kéo chà gom lại đốt cho trống mà cất Tòa Thánh tạm. Đức Thượng Phẩm dất công quả đốn cây, hễ hạ cây nào ngã xuống thì người cầm thước đo liền, cây thì làm cột, cây thì làm xiêng, trính, kèo... cho thợ mộc đem về, tốp cửa, tốp đèo dựng lo tạo tác mấy gian nhà nói trên.

Còn tôi thì lo chỉ dẫn cho công quả trừ phòng và lo đi chợ mua thực phẩm. Tôi nhớ lại mỗi buổi sáng tôi đi chợ Tây Ninh với chiếc xe ngựa dựng mua đồ ăn. Đường vắng bóng người, hai vệ đường cây che rậm rạp, heo rừng và nai lững thững đi kiếm ăn, thấy xe ngựa chạy ngang chúng tuông vào đám rừng chồi sột sạt làm tôi cũng giật mình.

Một hôm tôi đi đến Trảng Tròn thấy thấy một con ngựa bị cạp ăn mất nửa con, còn lại nửa con nằm kế mé lộ đá làm cho tôi cũng phải rùng mình. May phước quá! Nếu cạp đốn bắt con ngựa xe của tôi thì còn đâu mà đi chợ hằng ngày để mua đồ ăn cho công quả. Bữa sau tôi nghe người ta nói lại, chiều bữa ấy có người lập kế treo lên cây rình cạp, chờ khi nó ra ăn nửa con ngựa còn lại họ rình bắt được cạp rồi. Nhưng đâu phải trong rừng chỉ có một con cạp mà thôi sao. Biết đâu cả bấy hổ báo làm sao mà không sợ, nhưng vì quá lo cho Đạo mà bớt sợ sự hiểm nghèo, nên mỗi buổi sáng đều đi xe ngựa ra chợ Tây Ninh.

Còn Đức Thượng Phẩm, lớp thì hòa tâm với Chức Sắc lo tạo tác Tòa Thánh, lớp thì bị nhà cầm quyền Pháp để ý nghi ngờ, vì nhưn sanh càng ngày càng tụ hội về tấp nập (Đông đảo quá), nên ông Chánh Tham Biện (người Pháp) nay đòi Đức Cao Thượng Phẩm ra hỏi, mai đòi tra vấn điều này lẽ nọ đủ điều, nhưng Đức Cao Thượng Phẩm trả lời xuôi hết, thành thử họ phải để êm.

HẾT